

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 06 TC/CĐK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 4 tháng 2 năm 1988

THÔNG TƯ

Hướng dẫn kế toán theo Quyết định số 217-HĐBT ngày 14/11/1987 của Hội đồng Bộ trưởng về các chính sách đổi mới kế hoạch hoá và hạch toán kinh doanh XHCN đối với xí nghiệp quốc doanh.

Thi hành Quyết định số 217-HĐBT ngày 14/11/1988 của Hội đồng Bộ trưởng về đổi mới kế hoạch hoá và hạch toán kinh doanh XHCN đối với xí nghiệp quốc doanh, tiếp theo thông tư số 78-TC/CN ngày 31/12/1987 hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ tài chính của các đơn vị tài chính cơ sở, Bộ Tài chính hướng dẫn những điểm sửa đổi bổ xung về kế toán như sau:

1. Kế toán tài sản cố định

Xí nghiệp có quyền xử lý số tài sản cố định không cần dùng bằng cách nhượng bán, trao đổi, hoặc cho thuê trên cơ sở làm đầy đủ các thủ tục, theo quy định ở mục 2, Điều 2 của Quyết định 217-HĐBT.

1.1 Kế toán nhượng bán tài sản cố định

- Mọi trường hợp nhượng bán và điều động TSCĐ, phải được thanh toán bằng tiền, khi thu tiền về nhượng bán TSCĐ, kế toán ghi:

Nợ TK 51- Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 30- Sản xuất, kinh doanh ngoài cơ bản.

- Tiền thu về nhượng bán TSCĐ được bổ xung quỹ phát triển sản xuất kế toán ghi:

Nợ TK 30- Sản xuất, kinh doanh ngoài cơ bản.

Có TK 87- Các quỹ của xí nghiệp (87.1)

- Nếu là TSCĐ đầu tư bằng vốn vay Ngân hàng thì số tiền thu được do nhượng bán, trước hết phải trả đủ vốn vay và lãi vay, số còn lại mới chuyển vào quỹ khuyến khích

phát triển sản xuất. Khi xác định số nợ phải trả Ngân hàng về TSCĐ đã nhượng bán, kế toán ghi:

Nợ TK 30- sản xuất kinh doanh ngoài cơ bản

Có TK 72- Thanh toán tiền vay Ngân hàng về đầu tư XDCB bằng KHCB và các nguồn vốn khác

Khi trả nợ Ngân hàng kế toán ghi:

Nợ TK- 94 Vay dài hạn Ngân hàng

Có TK- 51 Tiền gửi Ngân hàng (51.1)

Phần chênh lệch giữa số tiền thu được và số tiền phải trả Ngân hàng về TSCĐ nhượng bán, được chuyển vào quỹ khuyến khích phát triển sản xuất, kế toán ghi:

Nợ TK- 30 Sản xuất kinh doanh ngoài cơ bản

Có TK- 87 Các quỹ của xí nghiệp (87.1)

- Trường hợp có phát sinh chi phí sửa chữa, hoặc thay thế bộ phận của TSCĐ trước khi nhượng bán thì toàn bộ chi phí thực tế được hạch toán vào bên nợ tài khoản 30 và trừ vào số thu về nhượng bán TSCĐ trước khi chuyển số thu đó vào quỹ khuyến khích phát triển sản xuất kế toán ghi:

Nợ TK 30 - Sản xuất , kinh doanh ngoài cơ bản

Có TK 05 , 06 , 08 , 68 , 69 , 50 , 51 ...

- Mọi trường hợp nhượng bán , điều động TSCĐ, phải làm đầy đủ thủ tục giảm tài TSCĐ, kế toán ghi sổ theo chế độ hiện hành :

Nợ TK 85 - Vốn cơ bản (85.1)

Có TK 01 - Tài sản cố định (Ghi theo nguyên giá)

Đồng thời ghi : Nợ TK 02 - Hao mòn TSCĐ

Có TK 85 - Vốn cơ bản (85.1)

(Ghi theo giá trị đã hao mòn)

Đơn vị mua TSCĐ phải tính lại nguyên giá và giá trị còn lại của TSCĐ phải thu hồi :

Nguyên giá		giá		Chi phí lắp đặt		Số khấu hao
mới của	=	thoả	+	chạy thử	+	cơ bản
TSCĐ		thuận		mới		đã trích

Giá trị còn = Giá + Chi phí lắp đặt
lại của TSCĐ thỏa thuận chạy thử mới

Kế toán đơn vị mua ghi :

Nợ TK 01 - Tài sản cố định

Có TK 85 - Vốn cơ bản (85.1)

(Ghi theo nguyên giá mới)

Nợ TK 85 - Vốn cơ bản (85-1)

Có TK 02 - Hao mòn TSCĐ

(Số khấu hao cơ bản đã trích)

1.2 Kế toán cho thuê TSCĐ

Xí nghiệp có quyền cho thuê những TSCĐ tạm thời chưa dùng đến và vẫn phải trích khấu hao cơ bản của những TSCĐ cho thuê theo chế độ khấu hao hiện hành . Số khấu hao cơ bản của TSCĐ trích trong thời gian cho thuê cùng với các chi phí khác như vận chuyển, bảo dưỡng ... (nếu có) tạo thành chi phí cho thuê TSCĐ . Khi phát sinh chi phí, kế toán ghi:

Nợ TK 30 - Sản xuất kinh doanh ngoài cơ bản

Có TK 86 - Vốn khấu hao

Có TK 05 , 06 , 08 , 50...

Đồng thời ghi Nợ TK 85 - Vốn cơ bản (85.1)

Có TK 02 - Hao mòn TSCĐ (số khấu hao cơ bản đã trích)

Khi thu được tiền cho thuê TSCĐ , kế toán ghi :

Nợ TK 51 - Tiền gửi ngân hàng

Có TK 30 - Sản xuất kinh doanh ngoài cơ bản

Số chênh lệch thu lớn hơn chi về cho thuê TSCĐ được bổ xung quỹ khuyến khích phát triển sản xuất , kế toán ghi :

Nợ TK 30 - Sản xuất kinh doanh ngoài cơ bản

Có TK 87 - Các quỹ của xí nghiệp (87.1)

1.3 Kế toán thanh lý TSCĐ

Xí nghiệp được tự thanh lý TSCĐ đã hết thời hạn khấu hao . Các khoản thu và chi phát sinh trong quá trình thanh lý được hạch toán theo chế độ hiện hành . Khoản chênh lệch thu lớn hơn chi về thanh lý TSCĐ được bổ sung quỹ khuyến khích phát triển sản xuất , kế toán ghi :

Nợ TK 85 - Vốn cơ bản (85.2)

Có TK 87 - Các quỹ của xí nghiệp (87.1)

2. Kế toán khấu hao TSCĐ và sử dụng quỹ khấu hao

2.1 Kế toán khấu hao TSCĐ

Việc tính trích khấu hao và hạch toán khấu hao TSCĐ được thực hiện theo chế độ kế toán , khấu hao hiện hành và quyết định số 507 TC/ĐT ngày 22/7/1986 của Bộ Tài chính.

Cần chú ý một số trường hợp sau :

a) TSCĐ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng được thì phải đánh giá lại và tiếp tục trích khấu hao tính vào chi phí sản xuất . Khi trích khấu hao, kế toán ghi :

Nợ TK 23 , 24 , 25 , 26 , 27 , 44 ...

Có TK 86 - Vốn khấu hao (86.1 , 86.2)

Sổ KHCB trích được dùng để bổ xung quỹ khuyến khích phát triển sản xuất, kế toán ghi:

Nợ TK 86 - Vốn khấu hao (86.1)

Có TK 87 - Các quỹ của xí nghiệp (87.1)

b) TSCĐ chưa khấu hao đủ mà đã hư hỏng do nguyên nhân thủ tục thanh lý và tiến hành hạch toán như chế độ hiện hành. Phần giá trị TSCĐ chưa thu hồi đủ phải được bù đắp bằng quỹ khuyến khích phát triển sản xuất, kế toán ghi:

/chủ cơ quan xí nghiệp phải làm /

Nợ TK 87 - Các quỹ của xí nghiệp (87.1)

Có TK 85 - Vốn cơ bản (85.2)

2.2 Kế toán vốn tự có về đầu tư XD CB

Xí nghiệp được trích lập vốn tự có về đầu tư XD CB từ các nguồn :

- Khấu hao cơ bản để lại xí nghiệp

- Khấu hao sửa chữa lớn
- Quỹ khuyến khích phát triển sản xuất , quỹ phúc lợi
- Điều chuyển vốn tự có về đầu tư XDCC trong nội bộ Liên hiệp các xí nghiệp , Tổng công ty

a) Khi sử dụng khấu hao cơ bản để lập vốn tự có về đầu tư XDCC , kế toán ghi :

Nợ TK 86 - Vốn khấu hao (86.1)

Có TK 87 - Các quỹ của xí nghiệp (87.4)

b) Khi sử dụng vốn sửa chữa lớn để bổ xung vốn tự có về đầu tư xây dựng cơ bản .

Kế toán ghi:

Nợ TK 86 - Vốn khấu hao (86.2)

Có TK 87 - Các quỹ của xí nghiệp (87.4)

- Khi sử dụng các quỹ khuyến khích phát triển sản xuất và quỹ phúc lợi để bổ xung vốn tự có về đầu tư XDCC , kế toán ghi :

Nợ TK 87 - Các quỹ của xí nghiệp (87.1 hoặc 87.3)

Có TK 87 - Các quỹ của xí nghiệp (87.4)

c) Khi nhận vốn tự có về đầu tư XDCC do Liên hiệp các xí nghiệp , Tổng công ty điều đến hoặc điều trả , kế toán ghi:

Nợ TK 51 - Tiền gửi ngân hàng

Có TK 87 - Các quỹ của xí nghiệp (87.4)

d) Khi điều đi hoặc hoàn trả cho đơn vị khác trong Liên hiệp hoặc Tổng công ty kế toán ghi :

Nợ TK 87 - Các quỹ của xí nghiệp (87.4)

Có TK 51 - Tiền gửi ngân hàng

đ) Khi xí nghiệp quyết định sử dụng vốn tự có về đầu tư XDCC để mua sắm hoặc xây dựng TSCĐ, thực hiện chuyển nguồn vốn, kế toán ghi:

Nợ TK 87- Các quỹ của xí nghiệp (87.4)

Có TK 95- cấp phát XDCC (95.2)

Khi chuyển tiền gửi Ngân hàng Nhà nước sang tiền gửi Ngân Hàng đầu tư xây dựng cơ bản, kế toán ghi: